

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

Số: 14 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 26 tháng 01 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Chế biến Nông sản Việt Bảo Ký tại Công văn số 17/2025/CV-VBK ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Công văn số 36/2025/CV-VBK ngày 29 tháng 12 năm 2025 về giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy chế biến Nông sản;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Tờ trình số 174/TTr-KKTCN ngày 19 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Chế biến Nông sản Việt Bảo Ký, địa chỉ tại số 17 Lương Văn Can, phường An Cựu, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy chế biến Nông sản với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Nhà máy chế biến nông sản.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần lô CN.D.5 thuộc Khu công nghiệp Phú Bài giai đoạn III, phường Phú Bài, thành phố Huế.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư với mã số dự án số 0305872533, được Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chứng nhận lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2025.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 3301632600, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 8 năm 2018, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 8 năm 2025.

1.5. Mục tiêu dự án: Đầu tư Nhà máy chế biến nông sản (hạt dưa, hạt hướng dương, hạt bí, ...).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 9.600 m² (thuê lại đất đã đầu tư hạ tầng của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Gilimex)

- Nhóm dự án là Nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án được phân loại thuộc Nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Quy trình sản xuất hạt hướng dương, hạt dưa và hạt bí:

+ Quy trình công nghệ sản xuất hạt hướng dương, hạt dưa và hạt bí:

Tiếp nhận nguyên liệu (xử lý sơ bộ như rửa, luộc, làm ráo đối với hạt hướng dương và hạt dưa) → Rang → Làm nguội → Sàng → Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho.

+ Quy trình sản xuất hạt dẻ cười, hạt hạnh nhân và hạt mắc ca:

Tiếp nhận nguyên liệu → rửa hạt (khi đơn hàng có yêu cầu) → Sấy sơ bộ → tẩm hương vị → Sàng tách nước → Sấy khô → Sấy chín → Làm nguội → Thổi vỏ, sàng → Đóng gói, nhập kho.

- Quy mô công suất: Khoảng 3.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý và đấu nối nước thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Chế biến Nông sản Việt Bảo Ký có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu theo quy định và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về

hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Phú Bài;
- Công ty TNHH MTV Chế biến Nông sản Việt Bảo Ký;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, DN;
- Lưu VT, CT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14/GPMT-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2026 của
UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Bụi, khí thải phát sinh tại dự án trong quá trình sản xuất từ các nguồn sau:

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh tại lò rang hạt từ số 01 đến số 10 của dây chuyền sản xuất hạt hướng dương, hạt dưa, hạt bí.
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh tại lò hơi của dây chuyền sản xuất hạt dẻ, cười, hạt hạnh nhân, hạt mắc ca.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải

Dự án có 2 dòng khí thải phát sinh được thu gom, xử lý xả thải vào môi trường, bao gồm:

- Dòng số 01: Khí thải từ nguồn số 01 sau khi được xử lý xả ra môi trường qua ống khói 01.
- Dòng số 02: Khí thải từ nguồn số 02 sau khi được xử lý xả ra môi trường qua ống khói 02.

2.2. Vị trí xả thải: Tại 02 ống khói

Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰):

STT	Vị trí	Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
1	Ống khói 01	1813683,09	572963,23
2	Ống khói 02	1813704,64	572950,47

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất khoảng 15.000 m³/giờ, trong đó:

- Dòng số 01: Lưu lượng lớn nhất là 5.000 m³/giờ.
- Dòng số 02: Lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 10.000 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức, liên tục trong thời gian hoạt động.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải đảm bảo QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C).

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 60 (6)	Theo quy định về quan trắc khí thải công nghiệp, lưu lượng phát sinh khí thải tại dự án không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ.
2	CO	mg/Nm ³	≤ 350 (6)	
3	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 250 (6)	
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 300 (6)	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

Chủ dự án lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải tại các điểm phát sinh khí thải trong các công đoạn sản xuất tại dây chuyền sản xuất hạt hướng dương, hạt dưa, hạt bí và dây chuyền sản xuất hạt dẻ, cười, hạt hạnh nhân, hạt mắc ca.

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải tại khu vực lò rang hạt từ số 01 đến số 10 của dây chuyền sản xuất hạt hướng dương, hạt dưa, hạt bí

a) Hệ thống thu gom khí thải

Tại khu vực bố trí 10 lò rang hạt dưa, hạt hướng dương thuộc nhà xưởng 01, chủ dự án bố trí khu vực rang (khoảng 90m²) có vách ngăn khép kín với các khu vực sản xuất khác nhằm thu gom tối đa khí thải phát sinh tại đây. Hệ thống thu gom khí thải được thu gom theo 02 phần, gồm:

- Khí thải trong mỗi lò được thu gom theo mỗi đường ống nhánh (1 đường ống nhánh/1 lò) bằng thép có đường kính 150 mm phía trên đỉnh lò (có chiều dài khoảng 1m), khí thải sau đó theo 10 đường ống nhánh đầu nối chung vào đường ống chính có đường kính 200 mm (có chiều dài khoảng 23 m) được quạt hút cường bức dẫn qua đường ống có đường kính 400 mm vào hệ thống xử lý khí thải.

- Phần khí thải còn lại tại khu vực 10 lò rang từ quá trình đốt nhiên liệu và mùi được thu gom vào 05 chụp hút (01 chụp hút/2 lò), khí thải sau đó theo 05 đường ống nhánh (2 đường ống nhánh/1 chụp hút) bằng thép có đường kính 150 mm (có chiều dài khoảng 1,5 m). Sau đó, khí thải đầu nối chung vào đường ống chính có đường kính 200 mm (có chiều dài khoảng 24 m) được quạt hút cường bức dẫn qua đường ống có đường kính 400 mm đi vào hệ thống xử lý khí thải.

b) Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Chủ dự án lắp đặt 01 thiết bị Cyclone khô xử lý bụi, kết hợp tháp hấp thụ để xử lý mùi và khí thải trước khi xả ra môi trường. Thông số kỹ thuật các thiết bị xử lý, gồm: Quạt gió công suất 0,1 kW; quạt hút công suất: 5,5 kW; cyclon có đường kính 800 mm, chiều cao 3,4 m; tháp hấp thụ có đường kính 1200 mm, chiều cao 3,765 m; bể thu bụi: $D \times R \times C = 3 \text{ m} \times 1,2 \text{ m} \times 0,8 \text{ m}$; ống khói có đường kính 400 mm, chiều cao 10 m.

- Quy trình xử lý: Khí thải, mùi từ 10 lò rang được quạt hút vào cyclon. Dòng khí thải chứa bụi theo đường ống dẫn vào cyclon theo hướng tiếp tuyến với thân hình trụ, tại đây, dòng khí thải chứa bụi chuyển động theo hình xoắn ốc, dưới tác dụng của lực ly tâm bụi được tách ra khỏi dòng không khí lắng xuống đáy và rơi vào buồng chứa bụi. Dòng khí được tách bụi chuyển động lên trên và đi ra ngoài cyclon. Chất thải rắn (tro) lắng ở buồng chứa được thu gom về kho chứa. Khí thải sau khi qua cyclon được quạt hút đưa vào tháp hấp thụ. Tại thiết bị này, dung dịch hấp thụ NaOH được bơm liên tục từ đỉnh xuống, bụi, khí thải chứa CO, SO₂, NO₂, ... được dẫn từ dưới đi lên, quá trình tiếp xúc giữa pha khí và pha nước giúp giảm thiểu nồng độ bụi và khí thải làm cho các hạt bụi mịn sẽ ngấm nước tăng trọng lượng và rơi xuống bể thu bụi (định kỳ khoảng 1 tháng/lần tiến hành vệ sinh bể, nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy). Khí thải được dẫn qua lớp than hoạt tính để xử lý mùi. Khí thải phát sinh sau xử lý đạt QCVN 19: 2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C) trước khi theo ống khói cao 10 m xả ra môi trường.

Hóa chất sử dụng: NaOH.

1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải tại lò hơi

Chủ dự án lắp đặt hệ thống xử lý khí thải đi kèm với lò hơi đặt trong nhà lò hơi để xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi. Thông số kỹ thuật các thiết bị xử lý, gồm: Quạt hút công suất 30 HP; bể đập bụi ướt: $D \times R \times C = 2,5 \text{ m} \times 1,2 \text{ m} \times 1 \text{ m}$; tháp hấp thụ có đường kính 1200 mm, chiều cao 3m; ống khói có đường kính 400 mm, chiều cao 11,5 m.

Quy trình xử lý: Khí thải tại lò hơi được các quạt hút vào bể đập bụi ướt. Dòng khí thải áp suất cao khi tiếp xúc với nước trong bể đập bụi ướt sẽ tăng khả năng giữ lại bụi (định kỳ khoảng 1 tháng/lần tiến hành vệ sinh bể, nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy). Khí thải sau đó tiếp tục được dẫn vào thiết bị hấp thụ. Tại thiết bị này, dung dịch hấp thụ NaOH được bơm liên tục từ đỉnh xuống, bụi, khí thải chứa CO, SO₂, NO₂, ... được dẫn từ dưới đi lên, quá trình tiếp xúc giữa pha khí và pha nước giúp giảm thiểu nồng độ bụi và khí thải. Khí thải phát sinh sau xử lý đạt QCVN 19: 2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C) trước khi theo ống khói

cao 11,5m xả ra môi trường.

- Hóa chất sử dụng: NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của nhà cung cấp.

- Tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo đúng định kỳ, theo hướng dẫn của nhà cung cấp.

- Bố trí cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các hỏng hóc máy móc, các vấn đề bất thường xảy ra, ...

- Bố trí cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: Hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, ...; bố trí nhân viên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải, đường ống dẫn khí. Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng.

Trước khi bắt đầu quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo, gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về môi trường (Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND phường Phú Bài) để kiểm tra, giám sát theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý khí thải tại khu vực lò rang hạt từ số 01 đến số 10 của dây chuyền sản xuất hạt hướng dương, hạt dưa, hạt bí.

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi của dây chuyền sản xuất hạt dẻ, cười, hạt hạnh nhân, hạt mắc ca.

2.3. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí 1: Tại ống khói 01.

- Vị trí 2: Tại ống khói 02.

(Theo tọa độ được cấp phép xả thải tại Phần A của Phụ lục này).

2.4. Thông số chính và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: Lưu lượng, bụi, SO₂, CO, NO_x (tính theo NO₂).

2.5. Tần suất lấy mẫu: Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả

kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo). Loại mẫu: Mẫu đơn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A nêu trên trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp bị phát hiện có phát sinh bất kỳ thông số ô nhiễm khác vượt giới hạn cho phép khi xả ra môi trường không khí.

- Quá trình hoạt động, Chủ dự án sử dụng nhiên liệu đốt phải đảm bảo các thông số kỹ thuật; tuyệt đối không sử dụng nhiên liệu dễ đốt khi bị ẩm ướt, hoặc có độ ẩm cao; nhiên liệu đốt luôn được tập kết tại khu vực kho chứa có mái che của dự án. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp không sử dụng đúng loại nhiên liệu, thành phần dẫn đến phát sinh các thông số ô nhiễm khác hoặc thông số đã được cấp phép vượt giới hạn theo quy định. Quá trình sản xuất nếu gây ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống người dân xung quanh, Chủ dự án nghiên cứu chuyển đổi nhiên liệu đốt lò hơi từ nhiên liệu sinh khối dạng rắn sang nhiên liệu sạch như khí hóa lỏng (khí LNG, LPG).

- Lắp đặt các thiết bị, hệ thống thu gom, xử lý khí thải theo đúng hồ sơ đã đề nghị cấp giấy phép môi trường; vận hành thử nghiệm công trình, thiết bị theo đúng quy định để đánh giá hiệu quả xử lý. Trường hợp hệ thống thu gom hoặc hệ thống xử lý khí thải đã lắp đặt không đảm bảo hiệu suất, công năng theo quy định, Công ty phải có giải pháp rà soát, cải tạo, nâng cấp (nếu có).

Phụ lục 2

NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ VÀ ĐÁU NỔI NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2026
của UBND thành phố)*

A. THÔNG TIN VỀ NƯỚC THẢI CỦA DỰ ÁN

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải từ phòng rửa tay.
- Nguồn số 03: Nước thải từ nhà ăn.
- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động rửa hạt.
- Nguồn số 05: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn nước tiếp nhận

Toàn bộ nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại hệ thống xử lý nước thải cục bộ của dự án được Chủ dự án đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Bài.

2.2. Vị trí đầu nối nước thải

Vị trí đầu nối nước thải có tọa độ như sau: *(theo hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0):*

X (m): 1813759,31 Y (m): 573062,73

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục

2.4. Chất lượng nước thải khi đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải của KCN Phú Bài giai đoạn III phải đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Bài công suất $6.500 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ do Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp quản lý, vận hành.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LY VÀ ĐÁU NỔI NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1 Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

Tất cả các nguồn phát sinh nước thải của dự án được thu gom bằng hệ thống đường ống vật liệu HDPE và được xử lý sơ bộ tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án trước khi đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phú Bài giai đoạn III; sau đó, dẫn về xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Bài, công suất 6.500 m³/ngày.đêm.

Chủ dự án phải đảm bảo tách riêng hoàn toàn hệ thống thu gom nước thải và hệ thống thu gom nước mưa của dự án, đảm bảo nước thải được thu gom triệt để, xử lý và đầu nối vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Bài giai đoạn III. Tuyệt đối không phát sinh thêm bất kỳ điểm xả, điểm đầu nối nước thải nào khác so với Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Chủ dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải công nghệ hoá, lý với công suất 50 m³/ngày để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại Dự án trước khi đầu nối vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Bài giai đoạn III.

- Tóm tắt quy trình công nghệ

Nước thải nhà vệ sinh (qua bể tự hoại 3 ngăn), nước thải từ nhà ăn (qua bể tách dầu mỡ), nước thải từ phòng rửa tay, nước thải sản xuất (rửa hạt, hệ thống xử lý khí thải) → Bể lắng thô → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể lấy mẫu → Hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp Gilimex để dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Bài.

- Hóa chất sử dụng: NaOH/HCl, PAC, Polymer.

- Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

- Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

+ Phòng ngừa sự cố từ quá trình vận hành HTXLNT: Kịp thời phát hiện và xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố; sử dụng nắp bể xử lý kín khí, không cho nước mặt thấm vào và có khả năng chống lực đẩy của nước từ trong bể ...

+ Biện pháp khắc phục sự cố: Khi xảy ra sự cố, Chủ dự án tổ chức đội ứng cứu tại chỗ, sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra; huy động khẩn cấp nhân lực, phương tiện để khắc phục, đồng thời báo cáo ngay cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Gilimex được biết để hỗ trợ khắc phục, ứng phó; đồng thời, thực hiện công tác khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất có thể, tuyệt đối không xả nước thải chưa xử lý trực tiếp ra môi trường bên trong và bên ngoài khuôn viên dự án dưới mọi hình thức.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng.

Trước khi bắt đầu quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo, gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về môi trường (Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND phường Phú Bài) để kiểm tra, giám sát theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải nội bộ của dự án, công suất 50 m³/ngày.đêm.

2.3. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải.
- Đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải.

2.4. Chất lượng nước thải khi đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phú Bài giai đoạn III phải đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận của Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Bài công suất 6.500 m³/ngày.đêm do Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp quản lý, vận hành.

2.5. Tần suất lấy mẫu: Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo). Loại mẫu: Mẫu đơn.

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom triệt để, xử lý sơ bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án; nước thải phải được đầu nối vào Hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp Phú Bài giai đoạn III. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp bị phát hiện có phát sinh bất kỳ điểm xả nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Khu công nghiệp hoặc xả ra môi trường bên trong và ngoài phạm vi dự án dưới mọi hình thức.

- Chủ dự án phải đảm bảo xây dựng tách riêng hoàn toàn hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom thoát nước thải của dự án. Đối với hệ thống xử lý nước thải của dự án, phải đảm bảo đầu tư xây dựng, lắp đặt tuân thủ theo quy trình công nghệ; kích thước, thể tích các bể xử lý theo Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án.

- Ngoài các loại nước thải phát sinh theo hồ sơ đề xuất cấp phép môi trường, trường hợp quá trình hoạt động có phát sinh nguồn thải khác, Chủ dự án phải đảm bảo thu gom, xử lý trước khi đầu nối theo đúng quy định.

- Bố trí nhân sự chuyên trách vận hành, theo dõi và giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2026
của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ các hoạt động của máy móc, thiết bị tại các nhà xưởng và máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trong phạm vi dự án.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27: 2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	55	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

Yêu cầu: Từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 26: 2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

3.2. Độ rung

Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	60	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

Yêu cầu: Từ ngày 01/01/2027, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 27: 2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho CBCNV làm việc tại khu vực sản xuất.
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị; kiểm tra độ mòn chi tiết, tiến hành bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời.
- Bố trí các máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh tình trạng các máy hoạt động cùng một lúc để giảm tác động cộng hưởng tiếng ồn.
- Bố trí phương tiện giao thông ra vào Dự án hợp lý, tránh trường hợp nhiều phương tiện ra vào cùng thời điểm gây ách tắc giao thông dẫn đến mức ồn gia tăng.
- Hạn chế sử dụng còi xe đối với các xe vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm và các loại xe ô tô ra vào dự án.
- Bố trí một cách hợp lý hệ thống cây xanh trong khuôn viên để giảm thiểu khả năng phát tán tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2026
của UBND thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng ước tính (kg/năm)	Mã CTNH
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	16 01 12
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	15	16 01 06
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	25	18 02 01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	50	17 02 03
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	30	18 01 03
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	30	18 01 02
7	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	120	12 01 04
Tổng			280	

Ngoài ra, tại hệ thống xử lý nước thải còn phát sinh lượng bùn thải với khối lượng khoảng 15 kg/ngày. Bùn thải này là chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, khi đi vào hoạt động, Chủ dự án sẽ tiến hành hợp đồng với đơn vị chức năng để phân định mẫu bùn nhằm xác định có phải là CTNH hay không để quản lý đúng quy định.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Các hạt bị hư hỏng; vỏ vỡ, vỏ trấu được tách ra trong quá trình sản xuất với khối lượng khoảng 40 kg/ngày.

- Bao bì, thùng giấy với khối lượng khoảng 20 kg/ngày.

- Tro cùi phát sinh từ lò hơi và các lò rang hạt: khoảng 310 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 21 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa trong các thùng nhựa HDPE loại 240 lít có dán nhãn phân biệt, mã chất thải nguy hại, ký hiệu cảnh báo báo (số lượng khoảng 07 thùng chứa).

- Không thu gom lẫn lộn các loại chất thải nguy hại trong quá trình lưu giữ.

- Riêng đối với bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp, trước khi đi vào hoạt động chính thức, Chủ dự án phải phân định mẫu bùn nhằm thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Trường hợp bùn thải là chất thải rắn thông thường, Chủ dự án phải thu gom, xử lý theo quy định về quản lý chất thải rắn thông thường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Khu vực lưu giữ CTNH có diện tích 10 m². Chủ dự án phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Chủ dự án phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu Chủ dự án rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Chủ dự án phải tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành các nhóm khác nhau để tái chế, tái sử dụng hoặc chuyển giao để xử lý theo quy định tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh về quản

lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế). Bố trí bao bì/thiết bị lưu chứa phù hợp với các nhóm chất thải sinh hoạt sau khi đã phân loại.

- Tại khu vực văn phòng, khu vực sản xuất: Bố trí khoảng 09 thùng chứa rác, chất liệu HPDE (thể tích 120 lít/thùng).

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Chất thải rắn sinh hoạt được tập kết về kho chứa rác thải sinh hoạt phía Đông Bắc dự án.

- Chủ dự án phải hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu Chủ dự án rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bố trí công nhân thu gom, quét dọn hàng ngày, lưu trữ tại kho chứa CTRCNTT có diện tích khoảng 10 m² nằm phía Đông Bắc Dự án.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường (vỏ hạt, hạt thải, bao bì, thùng giấy) phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định, không thải ra môi trường.

- Bố trí 01 khu lưu chứa tro củi (diện tích 12 m²) có mái che kín mưa, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn bảo đảm kín, tránh nước mưa từ bên ngoài vào, kết cấu nền bê tông cốt thép. Tro củi được Chủ dự án sử dụng làm phân bón cho cây xanh trong Nhà máy và bán cho đơn vị có nhu cầu.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ

- Bố trí đầy đủ các thiết bị, biển báo PCCC.
- Định kỳ tổ chức tập huấn các phương án PCCC cho người lao động.
- Lắp đặt hệ thống chống sét.
- Định kỳ kiểm tra các thiết bị điện, vận hành máy móc đúng quy trình, các kho chứa nguyên liệu, phế liệu phải thông thoáng, gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ.
- Khi có cháy nổ xảy ra, lập tức báo ngay cho lực lượng PCCC để kịp thời ứng cứu và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp xử lý.

2. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố tại hệ thống xử lý khí thải

- Tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công nhân kiến thức về phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ khí thải và biện pháp sơ cứu, cấp cứu khi xảy ra sự cố;

- Bố trí cán bộ, công nhân kiểm tra hệ thống lò sấy, đường ống dẫn khí, các thiết bị xử lý khí thải tại mỗi ca làm việc;
- Tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lò nung, lò sấy, đường ống dẫn khí, các thiết bị xử lý bụi theo định kỳ;
- Có cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo đạt chất lượng theo yêu cầu, ...;
- Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất

3. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố tại hệ thống xử lý nước thải

- Bố trí cán bộ quản lý theo dõi, kiểm tra quá trình vận hành hoạt động thu gom, xử lý nước thải.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các cụm bể thuộc HTXLNT; bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.
- Trường hợp HTXLNT gặp sự cố (sự cố máy bơm, sự cố liên quan đến vi sinh, bùn hoạt tính,...), Chủ dự án sẽ triển khai các biện pháp:
 - + Dừng ngay hoạt động của các bơm trên HTXLNT. Lúc này, bể điều hòa có chức năng để lưu giữ nước thải trong thời gian khắc phục sự cố.
 - + Tiến hành khắc phục các sự cố của HTXLNT.
 - + Sau khi khắc phục xong sự cố, tiến hành bơm nước thải từ bể điều hòa sang các công trình tiếp theo để xử lý.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2026 của UBND thành phố)

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án. Tăng cường công tác vệ sinh nhà xưởng (tại các nhà xưởng, sân bãi, dọc các tuyến đường đi,...). Thường xuyên nạo vét, vệ sinh, khơi thông hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thoát nước mưa của dự án. Tuyệt đối không có bất cứ hoạt động xả nước thải ra môi trường hoặc xả ra bên ngoài khuôn viên dự án dưới mọi hình thức. Đảm bảo tuân thủ tuyệt đối việc xử lý, tuần hoàn toàn bộ các loại nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành.

4. Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi dự án. Có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát; xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi dự án.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải tuân thủ quy trình xử lý của các công trình xử lý khí thải đã được cấp phép đảm bảo đạt quy định trước khi

xả ra môi trường; thực hiện quan trắc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết. Đảm bảo bố trí đầy đủ sàn thao tác, điểm (cửa) lấy mẫu khí thải phục vụ việc lấy mẫu đối với quan trắc định kỳ và quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin, số liệu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án. Trong quá trình hoạt động, phải thực hiện thủ tục xin cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường nếu thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 44 của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Nội dung thẩm định, cấp phép môi trường không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của Chủ dự án liên quan đến mọi hoạt động trong quá trình đầu tư, xây dựng và vận hành Nhà máy theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan khác. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp bị phát hiện vi phạm, xử lý theo quy định của pháp luật./.